

B NG T NG K TK TQU H CT PN ấ MH C 2012-2013 - L NCU I
(L y k t qu ấ m thi l n cu i)

L p h c: N36CKT1

Ng ấ nh: K to ấ n DN (CDN)

B c: Cao L ng ngh

STT	M í S	H V i T ấ N	ấ M TB C	XLHT	ấ M RC N LUY N	S MB N < 5	K LU T	X ấ T THEO QU Y CH	Q ấ C ấ H ấ NG	Ch ấ nh tr	Kinh t ấ nh tr	L ấ t kinh t	L ấ thuy t k to ấ n	L ấ thuy t ấ ấ ấ nh	L ấ thuy t ấ nh k ấ	Marketing	Ngo i ng 1	Ngo i ng 2	Ph ấ p lu t	S ố nh ố v ấ b n	T ấ h c	To ấ nh kinh t
										6	6	2	5	5	3	3	4	4	2	3	5	4
1	3652010345	Tr ng Th Kim Anh	2.19	Kém	53					6.5	0.0	0.0	0.0	4.4	6.0	0.0	4.6	0.0	1.8	2.9	0.0	1.1
2	3652010055	V ấ O ấ	6.30	TB khá	68					7.2	7.0	6.2	5.4	6.4	7.4	5.0	5.1	5.3	6.8	6.2	7.4	5.8
3	3652010387	Nguy n ấ c	1.98	Kém	53					5.7	0.0	0.0	0.0	4.1	0.0	0.0	5.0	0.0	5.5	5.6	0.0	0.1
4	3652010156	D ng Th ấ	6.52	TB khá	58					6.5	6.7	6.8	6.1	6.7	7.1	6.1	7.1	7.0	6.1	5.8	8.0	4.2
5	3652010127	Tr n Th	6.54	TB khá	65					7.5	7.5	6.6	8.0	7.3	6.0	5.6	4.6	5.1	6.0	6.1	7.9	4.3
6	3652010134	D ng V ấ O	6.48	TB khá	68					8.2	7.5	6.2	5.6	7.0	7.7	6.1	5.3	5.0	5.2	5.1	7.7	5.2
7	3652010342	Nguy n Ng c	2.93	Kém	50					7.3	0.0	0.0	0.0	7.1	5.4	0.0	4.1	0.0	5.8	6.1	0.0	2.6
8	3652010374	Nguy n Th V i t	6.15	TB khá	68					6.5	7.6	7.0	5.6	6.6	5.9	6.1	5.3	5.4	6.5	6.6	6.4	4.2
9	3652010354	Tr n Nguy n Ho ấ	6.73	TB khá	80					7.8	7.5	5.2	8.7	6.6	7.4	6.1	5.3	5.6	6.4	5.6	7.4	5.2
10	3652010095	L ấ V ấ ấ	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
11	3652010372	Ph m Th H ng	6.72	TB khá	80					6.9	7.2	6.8	7.6	5.9	6.7	6.1	5.7	6.3	6.3	5.8	8.4	6.3
12	3652010340	Nguy n Th H ng	6.28	TB khá	75					7.2	7.1	6.2	6.3	6.2	7.1	5.9	4.6	4.7	5.2	5.5	9.0	4.4
13	3652010142	Tr nh Ph ấ c H ng	7.33	Khá	88					7.7	7.9	7.0	8.1	6.9	7.2	7.4	6.9	7.3	7.0	7.0	7.9	5.9
14	3652010341	Tr n Th Thu	6.29	TB khá	73					5.7	7.2	5.4	7.3	6.1	5.7	6.0	5.0	6.1	6.6	6.1	8.1	5.1
15	3652010138	Tr n V ấ ấ Huy	2.50	Kém	50					4.5	0.0	0.0	0.0	6.0	4.7	0.0	4.9	0.0	5.4	5.9	0.0	2.7
16	3652010036	Cao Th ấ nh	6.63	TB khá	70					7.2	7.5	5.8	7.0	6.9	7.1	6.9	4.4	5.6	5.6	6.7	8.7	4.7
17	3652010371	Nguy n Th ấ	2.96	Kém	58					6.5	0.0	2.2	0.0	5.9	7.1	0.0	4.1	0.0	5.6	4.9	0.0	4.3
18	3652010066	K i u M nh	5.80	TB	65					5.3	6.5	4.2	5.6	6.9	5.6	5.3	5.0	5.4	5.8	5.2	8.6	3.9
19	3652010114	L ấ Th Thu ấ	6.86	TB khá	95					7.3	7.4	6.2	5.9	7.3	6.9	6.3	7.7	8.0	6.4	6.3	7.6	4.5
20	3652010329	Tr n Th	6.57	TB khá	83					8.2	7.8	8.0	6.0	6.1	6.8	6.7	4.6	5.3	7.1	5.6	6.7	6.1
21	3652010056	Phan Th Kim	7.14	Khá	83					8.0	7.5	5.6	6.6	6.6	7.4	6.3	7.7	7.6	6.8	6.3	9.3	5.0
22	3652010002	L ấ Th	6.60	TB khá	93					7.7	7.7	7.4	6.9	6.4	7.0	6.3	5.7	4.9	7.2	6.6	7.6	3.8
23	3652010117	Hu ấ nh Th H ng	6.78	TB khá	63					7.5	7.5	6.8	8.0	7.4	7.8	5.4	5.6	5.9	6.1	6.6	6.9	4.9
24	3652010064	Nguy n Th	6.94	TB khá	98					8.2	7.5	5.2	8.4	6.2	7.8	6.1	5.7	5.7	6.8	6.0	7.7	6.5
25	3652010017	Tr n Th Th ố	6.48	TB khá	80					7.3	6.8	6.2	6.3	7.2	7.8	6.4	5.1	5.0	6.9	5.6	8.4	4.2
26	3652010310	Ph m C ấ ng	6.24	TB khá	70					7.5	6.9	6.8	6.4	6.9	5.8	5.9	4.6	5.3	6.4	6.1	7.4	3.8
27	3652010096	Lê Anh Thành	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
28	3652010025	Nguy n Th	7.14	Khá	73					6.6	7.5	7.2	9.1	6.9	7.3	7.4	6.6	6.1	6.4	6.8	8.4	5.6
29	3652010010	ấ ng V ấ	3.18	Kém	45					6.5	0.0	0.0	0.0	6.2	5.9	0.0	6.4	0.0	6.9	5.0	0.0	5.8
30	3652010327	V ng ấ i	6.52	TB khá	70					7.2	6.7	5.8	6.4	7.6	7.5	5.1	5.3	5.9	5.8	5.0	8.7	5.3
31	3652010121	V ng Qu c	5.50	TB	65					5.3	5.2	4.8	5.0	5.4	5.1	6.0	5.0	5.6	5.2	6.1	8.3	3.9
32	3652010111	Trang Hoàng	5.98	TB	63					6.9	6.5	4.8	5.1	7.3	6.1	4.6	5.6	5.3	5.8	5.6	7.9	3.9
33	3652010364	ấ ấ Th Thu	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0

STT	Mí S	H Vì Tén	ĩ ĩ M TB C	XLHT	ĩ ĩ M R C N L U Y N	S M B N < 5	K L U T	X ơ T T H E O Q U Y C H	Q ữ C A H ĩ ĩ N G	Ch ã h ư	Kĩ nh t ch ã h ư	L ư t k ã h t	L ĩ t h ư t k ơ n	L ĩ t h ư t ĩ ĩ ch ã h	L ĩ t h ư t ĩ h ã g k 2	M ă k e ĩ ng	N g o ĩ ng _ 1	N g o ĩ ng _ 2	P h ĩ p ĩ ư t	S ơ n ĩ h ơ v ẫ h n	T ĩ n h _ c	T ơ n k ĩ nh t
										6	6	2	5	5	3	3	4	4	2	3	5	4
34	3652010012	Nguy n Xuª n Quang	5.92	TB	65					6.3	6.5	5.8	6.1	6.7	6.7	5.0	5.0	5.4	5.1	5.6	7.9	3.0
35	3652010130	L ã ng Nguy n B ơ	6.67	TB khá	80					7.2	7.5	6.2	6.3	6.8	7.2	5.1	5.0	6.3	5.7	6.3	9.7	5.0
36	3652010383	Phan Th Sapa	3.41	Kém	55					7.3	0.0	0.0	0.0	7.2	7.7	0.0	6.1	0.0	6.0	5.6	0.0	5.3
37	3652010379	Tr ã ng Loan Trung Tá	5.62	TB	65					5.5	6.7	4.8	5.6	6.1	6.8	6.0	4.6	4.1	4.9	5.4	7.9	3.1
38	3652010141	Nguy n ã ĩ c Tài	7.48	Khá	93					8.5	7.8	8.4	8.7	6.4	7.9	7.9	5.6	7.1	6.6	7.6	9.6	4.1
39	3652010119	Ph m Minh Tu n	2.29	Kém	53					5.0	0.0	0.0	0.0	4.3	4.4	0.0	6.7	0.0	2.7	1.7	0.0	4.3
40	3652010384	Ho ơ ng Th Tuy n	6.17	TB khá	68					5.8	7.0	6.8	5.6	6.7	7.5	5.7	5.9	4.9	5.2	5.9	7.7	4.9
41	3652010024	L ư Thanh	6.41	TB khá	70					6.6	6.7	5.4	5.7	6.9	8.2	5.9	6.0	5.9	6.3	6.2	8.4	4.2
42	3652010126	Ch Ph ã ng Thành	6.22	TB khá	55					7.0	6.0	6.8	6.7	6.4	6.8	5.7	5.6	5.9	5.4	5.6	6.4	5.8
43	3652010318	Ph m Th H ã ng Th m	7.23	Khá	95					7.8	7.6	6.4	7.0	8.3	8.1	5.9	6.4	6.9	6.4	6.5	9.0	5.5
44	3652010343	L² Th V ĩ O Thi	5.99	TB	68					6.8	6.9	5.0	5.7	6.7	5.6	5.6	5.1	4.6	5.5	5.4	8.1	4.3
45	3652010140	Nguy n Th Ā nh Thi	6.48	TB khá	68					7.0	7.0	7.0	5.7	6.7	7.3	5.6	5.3	5.1	5.4	5.8	9.0	5.9
46	3652010093	V½Th Ph ã ng Thi	3.97	Kém	58					7.4	0.0	2.6	0.0	7.0	7.4	0.0	7.0	0.0	7.6	5.6	2.6	6.6
47	3652010323	Ph m ã ĩ c Th nh	5.98	TB	68					6.6	5.9	4.6	6.6	6.4	5.4	5.9	5.3	4.4	6.4	5.1	8.6	4.5
48	3652010037	X ơ Th Kim Thoa	4.06	Y ư	63					5.5	0.0	5.6	5.4	5.0	4.3	4.0	4.1	0.0	5.4	5.4	7.9	1.8
49	3652010157	Tr nh H ĩ ng Thu n	6.38	TB khá	68					6.0	6.8	6.0	4.9	6.9	7.0	7.0	6.7	7.3	5.4	6.4	6.7	5.6
50	3652010131	Nguy n Ng c Ho ơ Thi ã ng	5.99	TB	68					6.1	7.0	5.8	5.6	5.4	5.6	6.0	6.1	5.4	5.4	5.5	7.6	5.0
51	3652010076	ã ĩ Th Thu Trang	6.58	TB khá	78					7.5	7.4	6.4	7.1	7.0	7.3	6.3	4.9	6.3	5.8	6.0	7.3	4.5
52	3652010084	Nguy n Minh Trí	0.08	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
53	3652010120	L ĩ Nguy n K ĩ ư Trinh	5.13	TB	60					5.9	6.0	1.8	5.0	4.8	4.5	4.4	5.3	5.6	6.1	5.0	7.4	2.0
54	3652010034	ã ơ Th Thanh Trúc	2.83	Kém	55					6.9	0.0	0.0	0.0	6.9	5.6	0.0	4.1	0.0	4.5	5.0	0.0	3.5
55	3652010324	Nguy n Th C m Vân	6.18	TB khá	70					6.8	7.5	6.2	5.0	6.9	6.8	5.9	4.1	5.3	5.8	5.9	8.4	4.2
56	3652010058	Nguy n Ho ơ ng V ĩ O	5.98	TB	68					6.8	5.8	4.8	5.3	6.8	7.3	5.4	5.4	5.6	6.0	5.4	7.6	4.3
57	3652010350	Nguy n Th H ơ Xuân	6.86	TB khá	83					7.6	7.5	6.4	6.7	6.4	8.4	5.1	5.4	7.0	6.4	6.2	9.0	5.3

X p lo ĩ

SL

T ĩ

TP.HCM, ng 26 th 9 n 2013

TR NG KHOA

TP. ị O T O

HI U TR NG